

Bản án số: 371/2025/DS-ST
Ngày: 10-12-2025
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà Bùi Thu Hảo;
 2. Ông Nguyễn Văn Đảnh;
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* ông Trần Huỳnh Đức Lập - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 351/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 644/2025/QĐXXST – DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 494/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ H, ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo uỷ quyền: chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2/ Bị đơn: 2.1/ Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1964; (Vắng mặt)

2.2/ Anh Trương Minh V, sinh năm 1983; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L là chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 18/7/2022 chị L có cho bà C, anh V vay số tiền 145.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, để làm ăn bơm cát nhưng chỉ có bà C ký tên trong biên nhận mượn tiền, làm tin để đảm bảo việc thanh toán cho chị L sau này.

Đến hạn thanh toán (ngày 18/10/2022), chị L có yêu cầu bà C, anh V thanh toán cho chị L số tiền gốc là 145.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận, nhưng bà C, anh V hứa hẹn nhiều lần mà không thực hiện.

Chị L rất nhiều lần đến nhà anh V, bà C để yêu cầu trả tiền, nhưng anh V và bà C không chịu trả. Ngày 27/02/2025 anh V có nhắn tin qua Zalo hứa ngày 10 sẽ gửi trả chị L trước 20.000.000 đồng nhưng đến ngày 22/5/2025 thì anh V chỉ chuyển khoản trả lãi cho chị L số tiền là 3.000.000 đồng thông qua tài khoản ngân hàng của anh D. Đến khi chị L khởi kiện tại toà án thì anh V chuyển khoản trả thêm được 6.000.000 đồng tiền lãi (chuyển khoản 02 lần qua số tài khoản của anh D). Tổng cộng anh V chuyển trả tiền lãi cho chị L là 9.000.000 đồng. Chưa thanh toán tiền gốc.

Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Kim C và anh Trương Minh V có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho chị L số tiền gốc là 145.000.000 đồng và lãi suất 0.83%/tháng từ ngày 18/7/2022 đến ngày vụ án được đưa ra xét xử là 40 tháng 23 ngày với số tiền là 40.062.000 đồng (đã trừ 9.000.000 đồng tiền lãi). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 185.062.000 đồng. Yêu cầu anh V, bà C thực hiện trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà bị đơn Nguyễn Minh V1 trình bày:*

Do quen biết anh có mượn tiền của chị L làm nhiều lần, tổng cộng lại là 145.000.000 đồng. Nay chị L yêu cầu anh trả số tiền 185.062.000 đồng anh đồng ý, tuy nhiên anh xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ do hoàn cảnh khó khăn, không khả năng thanh toán một lần.

Mẹ của anh là bà C không liên quan gì việc mượn tiền giữa anh và chị L, mẹ anh vì thương con nên mới ký tên vào giấy nợ.

* Bà Nguyễn Thị Kim C là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày mặc dù toà án đã triệu tập hợp lệ.

** Quá trình tố tụng anh Nguyễn Tuấn D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên chị L có xin số tài khoản của anh cho bà Nguyễn Thị Kim C và anh Trương Minh V trả tiền lãi cho chị L. Anh V có chuyển khoản trả tiền lãi cho chị L 03 lần thông qua tài khoản ngân hàng số 6910205090596 mở tại Ngân hàng N của anh, cụ thể :

Lần 1: Ngày 22/5/2025 anh V chuyển khoản số tiền 3.000.000 đồng, với nội dung ghi: “ TRƯỞNG MINH VƯƠNG gọi LOAN”

Lần 2: Ngày 21/8//2025 anh V chuyển khoản số tiền 3.000.000 đồng, với nội dung ghi: "gọi chi loan"

Lần 3: Ngày 07/11/2025 anh V chuyển khoản vào tài khoản số tiền 3.000.000 đồng, với nội dung ghi: “gọi chi loan”

Tổng số tiền lãi 03 lần anh nhận chuyển khoản từ anh Trương Minh V là 9.000.000 đồng và anh đã đưa đủ cho chị L nên anh không liên quan gì vụ án, anh xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tại phiên tòa như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay. Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị Kim C vắng mặt lần hai không lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tuấn D có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà C, anh D.

[4]. Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn là bà C, anh V phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ gốc là 145.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 0.83%/tháng lãi suất từ ngày 18/7/2022 đến ngày vụ án được đưa ra xét xử là 40 tháng 23 ngày = 49.062.683 đồng – 9.000.000 đồng lãi đã trả nên còn lại 40.062.683 đồng (làm tròn 40.062.000 đồng). Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn có cung cấp biên nhận do bị đơn bà C ký tên. Bị đơn anh V thừa nhận có vay tiền của chị L, nay chị L yêu cầu trả tiền anh đồng ý nhưng xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng. Bà C không có ý kiến trình bày.

Mặc dù trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền tổng cộng là 228.652.000 đồng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thay đổi

yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 185.062.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch vay tiền giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, đã được bị đơn thừa nhận và thể hiện qua biên nhận cho mượn tiền ngày 18/7/2022 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Biên nhận thể hiện số tiền vay 145.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 18/7/2022.

Tuy trong biên nhận anh V không ký tên nhưng qua quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh V thừa nhận có nhận tiền của chị L và anh đồng ý trả tiền, anh cho rằng số tiền vay là nợ riêng của anh không liên quan đến bà C, bà C chỉ ký tên do thương con nhưng bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim C đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm nhưng bà vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị L. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tài liệu, tình tiết, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy bà C đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Lãi suất: Chị L yêu cầu lãi suất 0,83%/tháng với số tiền sau khi trừ tiền lãi đã nhận là 40.062.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

Xét thấy số tiền trên bà C, anh V nợ đã lâu, khi vay có thỏa thuận thời gian trả tiền nhưng bị đơn đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Chị L đã nhiều lần yêu cầu bà C, anh V trả vốn nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện. Việc bị đơn cố tình vắng mặt và xin trả dần gây thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn nên cần buộc bị đơn trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của chị L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, 228, 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án;

- Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim L.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim C và anh Trương Minh V có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Kim L số tiền tổng cộng là 185.062.000 đồng (trong đó tiền gốc là 145.000.000 đồng; tiền lãi là 40.062.000 đồng, thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Bị đơn phải chịu 9.253.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.750.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003671 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh ĐT;
- VKSND KV2-ĐT;
- THADS Tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Thảo

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Biên bản kết thúc giờ phút ngày tháng năm 2025, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý ký tên.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa